# DANH SÁCH
# KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2025

*(Kèm theo Thông báo số 5418 /TB-HĐTDCC ngày 13 tháng 10 năm 2025*
*của Hội đồng tuyển dụng công chức Bộ VHTTDL năm 2025)*

## ĐƠN VỊ: VỤ PHÁP CHẾ

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên thí sinh | | Ngày tháng năm sinh | | Quê quán | Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng | Đối tượng ưu tiên | Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2) | Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Họ và đệm | Tên | Nam | Nữ | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| | **Chuyên viên về pháp chế: 03 chỉ tiêu** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | VH063 | Phan Thị Thanh | **An** | | 15/5/2002 | Hưng Yên | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 68 | - | 68 | Trúng tuyển |
| 2 | VH064 | Trần Trọng | **An** | 17/10/2000 | | Hưng Yên | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 38 | - | 38 | Không trúng tuyển |
| 3 | VH065 | Vũ Phương | **Anh** | | 04/11/2003 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 38 | - | 38 | Không trúng tuyển |
| 4 | VH066 | Nguyễn Hải | **Anh** | | 29/01/2003 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 57,5 | - | 57,5 | Không trúng tuyển |
| 5 | VH067 | Trần Nguyên | **Anh** | | 11/6/2003 | Hải Phòng | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 27 | - | 27 | Không trúng tuyển |
| 6 | VH068 | Nguyễn Phạm Lan | **Anh** | | 11/10/2001 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | - | | Không trúng tuyển |
| 7 | VH069 | Nguyễn Ngọc | **Bích** | | 11/02/2002 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 39 | - | 39 | Không trúng tuyển |
| 8 | VH070 | Bùi Quỳnh | **Chi** | | 11/04/2000 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 42,5 | - | 42,5 | Không trúng tuyển |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | VH071 | Cát Ngọc Linh | **Chi** | | 23/11/2003 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 34 | - | 34 | Không trúng tuyển |
| 10 | VH072 | Nguyễn Ngọc Linh | **Chi** | | 06/01/2001 | Nghệ An | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 38 | - | 38 | Không trúng tuyển |
| 11 | VH073 | Nguyễn Tiến | **Đạt** | 27/10/2001 | | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 36 | - | 36 | Không trúng tuyển |
| 12 | VH074 | Phạm Hồng | **Đức** | 01/02/2003 | | Phú Thọ | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 43,5 | - | 43,5 | Không trúng tuyển |
| 13 | VH075 | Nguyễn Văn | **Đức** | 10/10/1996 | | Bắc Ninh | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 35 | - | 35 | Không trúng tuyển |
| 14 | VH076 | Trần Đình | **Duy** | 23/11/2001 | | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 50,5 | - | 50,5 | Không trúng tuyển |
| 15 | VH077 | Nguyễn Phương | **Hằng** | | 31/8/2003 | Hải Phòng | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 20 | - | 20 | Không trúng tuyển |
| 16 | VH078 | Phạm Trần | **Hiếu** | 26/12/2003 | | Hải Phòng | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 41 | - | 41 | Không trúng tuyển |
| 17 | VH079 | Lê Hồng | **Hương** | | 17/4/2002 | Thanh Hóa | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 50 | - | 50 | Không trúng tuyển |
| 18 | VH080 | Nguyễn Quang | **Huy** | 25/4/2002 | | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 39,5 | - | 39,5 | Không trúng tuyển |
| 19 | VH081 | Đặng Thị Thu | **Huyền** | | 28/11/1991 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 39 | - | 39 | Không trúng tuyển |
| 20 | VH082 | Nguyễn Thị Ngọc | **Huyền** | | 08/11/1994 | Phú Thọ | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 51,5 | - | 51,5 | Không trúng tuyển |
| 21 | VH083 | Phan Ngọc Khánh | **Huyền** | | 31/10/2003 | Quảng Trị | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 46,5 | - | 46,5 | Không trúng tuyển |
| 22 | VH084 | Nguyễn Gia | **Khánh** | 26/7/2003 | | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 47 | - | 47 | Không trúng tuyển |
| 23 | VH085 | Trần Anh | **Kiệt** | 31/10/2001 | | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 43 | - | 43 | Không trúng tuyển |
| 24 | VH086 | Nguyễn Diệu | **Linh** | | 18/3/2001 | Phú Thọ | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 56 | - | 56 | Không trúng tuyển |
| 25 | VH087 | Mai Hải | **Linh** | | 03/6/2003 | Thanh Hóa | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 50 | - | 50 | Không trúng tuyển |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | VH088 | Nguyễn Thị | **Linh** | | 18/10/1999 | Nghệ An | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | - | | Không trúng tuyển |
| 27 | VH089 | Nguyễn Khánh | **Linh** | | 21/3/2003 | Thanh Hóa | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 43 | - | 43 | Không trúng tuyển |
| 28 | VH090 | Phạm Thị Thùy | **Linh** | | 11/6/2003 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 40 | - | 40 | Không trúng tuyển |
| 29 | VH091 | Bùi Đinh Phúc | **Linh** | | 06/02/2002 | Phú Thọ | Chuyên viên về Pháp chế | Dân tộc Mường | Lĩnh vực pháp chế | 40 | 5 | 45 | Không trúng tuyển |
| 30 | VH092 | Võ Thị Bích | **Loan** | | 17/10/2001 | Huế | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 42,5 | - | 42,5 | Không trúng tuyển |
| 31 | VH093 | Trương Đình | **Lộc** | 18/9/1998 | | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 69 | | 69 | Trúng tuyển |
| 32 | VH094 | Ứng Mỹ | **Ly** | | 25/8/1999 | Bắc Ninh | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 26,75 | - | 26,75 | Không trúng tuyển |
| 33 | VH095 | Tạ Thị Thanh | **Mai** | | 10/3/2000 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 43 | - | 43 | Không trúng tuyển |
| 34 | VH096 | Chu Thị | **Na** | | 15/10/1997 | Cao Bằng | Chuyên viên về Pháp chế | Dân tộc Nùng | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | - | | Không trúng tuyển |
| 35 | VH097 | Trương Thị Quỳnh | **Nga** | | 03/10/2001 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 56,5 | - | 56,5 | Không trúng tuyển |
| 36 | VH098 | Đỗ Thị Quỳnh | **Nga** | | 23/12/2002 | Hải Phòng | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 44 | - | 44 | Không trúng tuyển |
| 37 | VH099 | Nguyễn Thị Kim | **Ngân** | | 02/10/1997 | Tuyên Quang | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 43 | - | 43 | Không trúng tuyển |
| 38 | VH100 | Nguyễn Duy Hà | **Ngân** | | 22/12/2003 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 48 | - | 48 | Không trúng tuyển |
| 39 | VH101 | Nguyễn Vũ Thụy | **Nghi** | | 21/8/2003 | Quảng Trị | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 39,5 | - | 39,5 | Không trúng tuyển |
| 40 | VH102 | Nguyễn Linh | **Ngọc** | | 06/10/2002 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 53,5 | - | 53,5 | Không trúng tuyển |
| 41 | VH103 | Hứa Thị Phương | **Nhung** | | 09/9/1996 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 42 | - | 42 | Không trúng tuyển |
| 42 | VH104 | Nguyễn Hồng | **Nhung** | | 23/02/2002 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 50,5 | - | 50,5 | Không trúng tuyển |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 43 | VH105 | Nguyễn Hà | **Phương** | | 26/6/2002 | Bắc Ninh | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 44 | - | 44 | Không trúng tuyển |
| 44 | VH106 | Phạm Hà | **Phương** | | 19/6/2002 | Hà Nội | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 51 | - | 51 | Không trúng tuyển |
| 45 | VH107 | Đỗ Minh | **Quân** | 03/6/2002 | | Hưng Yên | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 50 | - | 50 | Không trúng tuyển |
| 46 | VH108 | Nguyễn Minh | **Quang** | 20/11/2003 | | Bắc Ninh | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 59,5 | - | 59,5 | Không trúng tuyển |
| 47 | VH109 | Mai Văn | **Quảng** | 04/10/2002 | | Phú Thọ | Chuyên viên về Pháp chế | Dân tộc Mường | Lĩnh vực pháp chế | 42 | 5 | 47 | Không trúng tuyển |
| 48 | VH110 | Hoàng Thị Như | **Quỳnh** | | 16/9/2002 | Cao Bằng | Chuyên viên về Pháp chế | Dân tộc Tày | Lĩnh vực pháp chế | 50 | 5 | 55 | Không trúng tuyển |
| 49 | VH111 | Trần Thị Ngọc | **Quỳnh** | | 02/6/2001 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 42 | - | 42 | Không trúng tuyển |
| 50 | VH112 | Tô Thị | **Quỳnh** | | 08/9/2000 | Bắc Ninh | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 38,5 | - | 38,5 | Không trúng tuyển |
| 51 | VH113 | Lê Thị Diễm | **Quỳnh** | | 16/9/2000 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 51 | - | 51 | Không trúng tuyển |
| 52 | VH114 | Trần Thị | **Quỳnh** | | 04/9/1996 | Hà Tĩnh | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 42 | - | 42 | Không trúng tuyển |
| 53 | VH115 | Đặng Tiến | **Sơn** | 27/12/2003 | | Bắc Ninh | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 51 | - | 51 | Không trúng tuyển |
| 54 | VH116 | Lê Xuân | **Sỹ** | 07/5/2003 | | Thanh Hóa | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 54 | - | 54 | Không trúng tuyển |
| 55 | VH117 | Vũ Hồng | **Tâm** | | 09/9/2003 | Thanh Hóa | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 78 | - | 78 | Trúng tuyển |
| 56 | VH118 | Nguyễn Minh | **Tâm** | | 22/01/2001 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 51 | - | 51 | Không trúng tuyển |
| 57 | VH119 | Nguyễn Hữu | **Thắng** | 20/3/2003 | | Thanh Hóa | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 35 | - | 35 | Không trúng tuyển |
| 58 | VH120 | Lê Tuấn | **Thành** | 17/3/1998 | | Thanh Hóa | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 40 | - | 40 | Không trúng tuyển |
| 59 | VH121 | Nguyễn Thị | **Thảo** | | 13/11/2002 | Hưng Yên | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | - | | Không trúng tuyển |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 60 | VH122 | Nguyễn Khắc Anh | **Thư** | | 26/12/2000 | Hưng Yên | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 41 | - | 41 | Không trúng tuyển |
| 61 | VH123 | Nguyễn Thị | **Thủy** | | 28/6/1990 | Ninh Bình | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 45,5 | - | 45,5 | Không trúng tuyển |
| 62 | VH124 | Vương Toàn | **Thuận** | 31/01/2003 | | Hưng Yên | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 42 | - | 42 | Không trúng tuyển |
| 63 | VH125 | Nguyễn Thị Huyền | **Thương** | | 05/12/2001 | Thái Nguyên | Chuyên viên về Pháp chế | Dân tộc Tày | Lĩnh vực pháp chế | 39,5 | 5 | 44,5 | Không trúng tuyển |
| 64 | VH126 | Nguyễn Minh | **Toàn** | 22/9/2002 | | Phú Thọ | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | - | | Không trúng tuyển |
| 65 | VH127 | Bùi Huyền | **Trang** | | 14/11/1999 | Thanh Hóa | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 35 | - | 35 | Không trúng tuyển |
| 66 | VH128 | Nguyễn Thùy | **Trang** | | 27/12/2003 | Hải Phòng | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 37 | - | 37 | Không trúng tuyển |
| 67 | VH129 | Hoàng Văn | **Trường** | 26/12/2001 | | Hải Phòng | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 45 | - | 45 | Không trúng tuyển |
| 68 | VH130 | Hoàng Anh | **Tuấn** | 30/3/2001 | | Hải Phòng | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 58,5 | - | 58,5 | Không trúng tuyển |
| 69 | VH131 | Đặng Thị Diệu | **Thanh** | | 16/3/2001 | Hưng Yên | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | - | | Không trúng tuyển |
| 70 | VH132 | Trần Quốc | **Văn** | 18/01/1999 | | Thừa Thiên Huế | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 45 | - | 45 | Không trúng tuyển |
| 71 | VH133 | Đào Thị Hải | **Yến** | | 30/4/1989 | Hải Phòng | Chuyên viên về Pháp chế | | Lĩnh vực pháp chế | 65,5 | - | 65,5 | Không trúng tuyển |